Name: ……..

Class: S4…

Ngày giao bài: Thứ….., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ….., ngày…./….

Vocabulary & Grammar: .....

Listening: ……..…....

Mini Test: ……..…....

GLOBAL ENGLISH 4

End of term revision

A. VOCABULARY

❖ End of term extra vocabulary

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**junk** (n)	rác, đồ vô dụng	7	**filter** (v)	lọc
2	**eco-challenge** (n.phr)	thử thách sinh thái	8	**bacteria** (n)	vi khuẩn
3	**field trip** (n.phr)	chuyến dã ngoại	9	**starve** (v)	chết đói, thiếu ăn
4	**herb** (n)	thảo mộc	10	**food supply** (n.phr)	cung cấp thực phẩm
5	**unplug** (v)	rút phích cắm, ngừng kết nối điện	11	**marine life** (n.phr)	sinh vật biển
6	**packaging** (n)	bao bì	12	**break down** (phr.v)	phá vỡ, phân hủy

❖ Extra vocabulary

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**cathedral** (n)	thánh đường	4	**template** (n)	mẫu, khuôn mẫu
2	**cassette recorder** (n.phr)	máy ghi băng cát-xét	5	**practical solution** (n.phr)	giải pháp thực tế
3	**go for a ride** (v.phr)	đi dạo, đi chơi	6	**dozens of** (quan)	hàng tá, rất nhiều (từ 12 trở lên)

❖ ***Note***: *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; n.phr = noun phrase: cụm danh từ; quan = quantifier: lượng từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ đặc biệt; v.phr = verb phrase: cụm động từ.*

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Unscramble the letters to make correct sentences. There is one example.

0. *Waterproof is a material that does not let water through.*

o	f	o	w	t	e	a	r	p	r

1. A(n) _____ is a spray or cream used to keep insects away.

t	s	c	n	i	e

t	l	l	e	e	e	r	n	p

2. We are going on a(n) _____ to the zoo tomorrow.

e	d	f	i	l

p	i	t	r

3. Washing your hands helps to kill _____ and keep you healthy.

a	a	b	e	i	c	t	r

4. _____ is a sport in which you climb rock formations or artificial rock walls.

o	r	k	c

i	i	m	c	b	g	n	l

LIVEWORKSHEETS

5. _____ refers to all the plants and animals that live in the ocean.

m	i	e	a	n	r

e	i	f	l

II. Read and order the steps 1- 6 to make a website for kids. There is one example

___1___ **Register and choose a template:** To create a website for kids, you just have to choose one of the templates you adore or several connected together.

_____ **Include other services:** Need to connect a form to fill in contact data from the people who visit your website? This can be done in a few clicks.

_____ **Design your website:** To make web building for kids a simple and practical solution, try to provide both visual (pictures/drawings) and textual (writings/articles) content.

_____ **Make your site popular:** Website maker for kids contains dozens of tools and features to help you promote your website on the internet.

_____ **Choose a good design:** Websites for school projects, summer activities, learning resources, and much more are available. The most important thing is having a kid-friendly website design.

_____ **Check the website and publish it:** You can not only make a website for kids but also check if it works well after creation. It is best to make sure that the site is working correctly before publishing.

III. Reorder the words to complete the sentences.

0. a friend / likes / I have / who / playing soccer.

→ *I have a friend who likes playing soccer.*

1. the book / is / This is / on the table. / which

→ _____.

2. She / her homework / have to / before dinner. / doesn't / finish

→ _____.

3. on weekends? / clean the house / have to / Do / we

→ _____?

4. go to / every Saturday, / They / the park / don't they?

→ _____?

5. Tommy / vegetables, / doesn't like / does he? / eating

→ _____?

6. my uncle. / The man / is / lives next door / who

→ _____.

LIVEWORKSHEETS

Con làm bài nghe theo link sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/flyers-9_test-2_part-2

Part 2

– 5 questions –

Listen and write. There is one example.



Camping at the farm

People will camp here for: .....5 nights.....

1 Family name: Mr and Mrs .....

2 Number of people in the family: .....

3 Colour of tent: blue with a ..... stripe

4 Might like to use: .....

5 Date that family will leave: ..... June

LIVEWORKSHEETS

Con làm bài nghe theo link sau:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/ket-4-test-1-part-2

PART 2

QUESTIONS 6–10

Listen to Sarah talking to a friend about her holiday photographs.
What place is each person in?
For questions 6–10, write a letter A–H next to each person.
You will hear the conversation twice.

Example:

0 Sarah's mother [E]

People

6 Caroline [ ]

7 Jack [ ]

8 Sarah [ ]

9 Peter [ ]

10 Sarah's father [ ]

Places

A castle

B cathedral

C hotel

D market

E mountains

F museum

G restaurant

H sea

LIVEWORKSHEETS